TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07/02/2025
V/v: Ly hôn; tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 659/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2025, Quyết định hoãn phiên toà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị L**, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang C**, sinh ngày 04/11/1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương; hiện ở Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: KDC Thông Cống H, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Đoàn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh C đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2009 tại UBND phường C, thành phố C trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm, từ năm 2014 thì anh C đi Đài Loan lao động. Khi anh C ở Đài Loan vợ chồng vẫn liên lạc nhưng do khoảng cách địa lý nên thường xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, anh C có những lời nói không đúng mực với chị L và cắt đứt liên lạc với chị L từ năm 2017 đến nay. Những lần anh C về Việt Nam thăm gia đình thì đều ở nhà chị gái mà không về nhà. Chị L xác định vợ chồng ly thân đã lâu, không còn tình cảm nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị L ly hôn anh C.

- Về quan hệ con chung: Chị L và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Lan A sinh ngày 24/01/2013 và Nguyễn Quang H sinh ngày 06/7/2010, hiện cháu L1 đang ở với chị L còn cháu H đang ở với bà nội. Khi ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lan A, giao cháu H cho anh C nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị L trình bày không biết địa chỉ của anh C ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Toà án; đề nghị Toà án xác minh qua mẹ anh C là bà Nguyễn Thị T ở khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị L đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà là mẹ của anh C, chị L là vợ anh C. Hiện anh C ở Đài Loan, bà T không rõ địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho Toà án nhưng bà T vẫn liên lạc với anh C nên đồng ý nhận các văn bản của Toà án để thông báo cho anh C. Quan điểm của anh C về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nếu chị L kiên quyết ly hôn thì tuỳ chị L.

- Về quan hệ con chung: Chị L và anh C có 02 con chung như chị L trình bày là đúng. Theo nguyện vọng của các con thì anh C đồng ý nuôi cháu H, giao cháu Lan A cho chị L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh C ở Đài Loan, uỷ quyền cho bà T thay anh chăm sóc cháu H trong thời gian anh C không ở Việt Nam thì bà T đồng ý, chi phí chăm sóc không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Do bà T tuổi cao, đi lại khó khăn nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại Công văn số 85/QLXNC ngày 26/12/2024, Phòng Q – Công an tỉnh H cung cấp anh C xuất cảnh gần nhất ngày 26/8/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên toà, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên

tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Đoàn Thị L ly hôn anh Nguyễn Quang C; giao con chung Nguyễn Thị Lan A sinh ngày 24/01/2013 cho chị L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; giao con chung Nguyễn Quang H sinh ngày 06/7/2010 cho anh C nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tạm giao cho bà T chăm sóc thay trong thời gian anh C không ở Việt Nam; không ai phải cấp dưỡng nuôi con; chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị L đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh C. Chị L, anh C đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng anh C hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Chuyển tự D tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Chị L cho rằng do khoảng cách địa lý vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi, anh C có những lời nói không đúng mực với chị L và tự cắt đứt liên lạc với chị L. Xét thấy anh C đi Đài Loan lao động nhiều năm, vợ chồng ly thân và cắt đứt liên lạc trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai, mục đích không đạt được; anh C có quan điểm nếu chị L kiên quyết ly hôn thì tuỳ chị L. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị L ly hôn anh C.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Lan A sinh ngày 24/01/2013 và Nguyễn Quang H sinh ngày 06/7/2010, hiện cháu Lan A đang ở với chị L, cháu H đang ở với bà nội là bà T. Xét thấy hai bên đã thống nhất quan điểm, phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo quyền lợi của các con. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, cần giao cháu Lan A cho chị L nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh C nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh C ở Đài Loan, uỷ quyền cho bà T thay anh chăm sóc cháu H thì bà T cũng đồng ý nên cần chấp nhận; bà T không yêu cầu đối với chi phí chăm sóc nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Anh C không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh C yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị L là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 2 Điều 478, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị L.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị L ly hôn anh Nguyễn Quang C.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Lan A sinh ngày 24/01/2013 cho chị Đoàn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Giao con chung Nguyễn Quang H sinh ngày 06/7/2010 cho anh Nguyễn Quang C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tạm giao cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc trong thời gian anh C không ở Việt Nam. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đoàn Thị L, anh Nguyễn Quang C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng do chị Đoàn Thị L đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 06/12/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0005403; chị L đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường C, TP.C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng